

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON SAO MAI

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.425,7 (m ²)	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	410 (m ²)	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.602.49(m ²)	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	644 (m ²)	2.6 m ² /trẻ em (247 trẻ)
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	644 (m ²)	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	185.5 (m ²)	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	542.5(m ²)	
5	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	65.18 (m ²)	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	70.67 (m ²)	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	94.64 (m ²)	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14 bộ	14/14 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1 bộ/ lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15	15/3 sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	28	13 Máy tính, 12 ti vi/ 14 nhóm lớp, 1 máy chiếu, 2 bảng tương tác
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)



1	Máy tính	13	01/lớp
2	Ti vi	12	01/lớp
3	Loa vi tính	12	01/lớp

		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	0	14	0	0.9 m ² /trẻ em (247 trẻ)
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(* Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	



Tp.Thủ Đức ngày 17 tháng 06 năm 2024


Hiệu trưởng

Trần Đỗ Hoàng Anh